

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn

Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 714/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1983 (Có mặt) và bà Lê Xuân D, sinh năm 1989 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Từ Tấn Q, sinh năm: 1971 (Vắng mặt) và bà Trịnh Thị M (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2022 cũng như lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 20/7/2018 âm lịch, tổ hùn vốn của Chi hội Nông dân khóm 4, thị trấn T thống nhất góp vốn nhằm phát triển kinh tế gia đình như hình thức góp hội. Tất cả có 15 thành viên, 04 tháng mở 01 lần, người nào chưa hót nộp 01 chỉ vàng 24k, đã hót xong thì phải góp 1,2 chỉ vàng 24k, vào ngày mở hội các thành viên góp hội bốc thăm để chọn người hót và giao vàng ngay khi bỏ hội cho người hót, trường hợp có nợ lại thì các bên tự thỏa thuận với nhau. Ông Q, bà M đã hót xong đến khi ông L, bà D hót thì đến nay ông Q, bà M không góp lại số vàng như thỏa thuận. Nay ông L, bà D yêu cầu ông Q, bà M phải thanh toán cho ông L, bà D 1,2 chỉ vàng 24k.

Đối với ông Q, bà M, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử theo quy định nhưng ông Q, bà M vẫn không có ý kiến phản hồi và đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D với ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M là tranh chấp hội. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện T nên ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện T là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M, mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D, vào ngày 20/7/2018 âm lịch, tổ hùn vốn của Chi hội Nông dân khóm 4, thị trấn T thống nhất góp vốn nhằm phát triển kinh tế gia đình như hình thức góp hội. Tất cả có 15 thành viên, 04 tháng mở 01 lần, người nào chưa hót nộp 01 chỉ vàng 24k, đã hót xong thì phải góp 1,2 chỉ vàng 24k, vào ngày mở hội các thành viên góp hội bốc thăm để chọn người hót và nộp góp vàng ngay khi bốc thăm. Ông Q, bà M đã hót hội xong. Đến khi ông L, bà D hót thì ông Q, bà M không góp lại số vàng như thoả thuận. Do vậy, ông L, bà D yêu cầu ông Q, bà M phải thanh toán cho ông L, bà D 1,2 chỉ vàng 24k. Về phía, ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M, Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ để ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M tham gia hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D. Từ đó, có căn cứ xác định giao dịch giữa các bên được thực hiện như lời trình bày của nguyên đơn là có thật.

Ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D đã nộp cho ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M 01 chỉ vàng 24k nên bị đơn phải có trách nhiệm trả lại cho ông L, bà D. Đối với số vàng lãi hội là 0,2 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thoả thuận của các bên, đã được thực hiện hoàn thành giữa các thành viên góp hội khác, nên việc đặt ra của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M trả cho ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D 1,2 chỉ vàng 24k là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D nên phải chịu án phí theo quy định

của pháp luật. (Giá vàng áp dụng để tính án phí là 5.380.000 đồng/chỉ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ, họ;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D. Buộc ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M có nghĩa vụ thanh toán ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D 1,2 chỉ vàng 24k (Một chỉ hai phân vàng hai mươi bốn kara).

2. Về án phí: Ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 323.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba ngàn đồng). Ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D không phải chịu án phí, ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005815 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được trả lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, ông Lê Văn L, bà Lê Xuân D tính kể từ ngày tuyên án, ông Từ Tấn Q, bà Trịnh Thị M tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Bùi Thị Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Duyên Văn Hiền

Văn Công Trọn

Bùi Thị Huệ

